TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP.HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1386/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung
2. Bà Phan Thị Tuyết Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp phải tham gia.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2210/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2812/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1998; Địa chỉ: E ấp E, xã V, Thành Phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân số: 079198005183 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/8/2022.

- Bị đơn: Ông **Trịnh Văn C**, sinh năm 1997; Địa chỉ: D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân số: 079097031168 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/8/2021.

(Bà Huỳnh Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trịnh Văn C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2026 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà Huỳnh Thị H và ông Trịnh Văn C tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân, về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B (nay là Ủy ban nhân dân xã V), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 105/2018 cấp ngày 19/6/2018.

Sau khi kết hôn, bà Huỳnh Thị H và ông Trịnh Văn C chung sống với nhau rất hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2022 và không nói

chuyện trong thời gian dài. Nguyên nhân là do vợ chồng bất hòa, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tuy sống chung nhưng không ai còn quan tâm tới ai. Nay bà Huỳnh Thị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Huỳnh Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Trịnh Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H xin được ly hôn với ông Trịnh Văn C.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị H và ông Trịnh Văn C có 02 (hai) con chung tên là trẻ Trịnh Thị Minh H1, giới tính: nữ, sinh ngày 27/8/2018 và trẻ Trịnh Ngọc Minh D, giới tính: nữ, sinh ngày 24/02/2020. Khi ly hôn bà Huỳnh Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Trịnh Thị Minh H1 và trẻ Trịnh Ngọc Minh D, không yêu cầu ông Trịnh Văn C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Huỳnh Thị H không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Trịnh Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản do Tòa án triệu tập, thông báo nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, quy định của pháp luật để giải quyết vắng mặt ông Trịnh Văn C là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị H và ông Trịnh Văn C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B (nay là Ủy ban nhân dân xã V), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 105/2018 cấp ngày 19/6/2018. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà Huỳnh Thị H yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Văn C. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện các thủ tục tống đạt thông báo, giấy triệu tập đương sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và bị đơn ông Trịnh Văn C. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trịnh Văn C vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và bị đơn ông Trịnh Văn C là phù hợp với Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 105/2018 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B (nay là Ủy ban nhân dân xã V), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2018, thể hiện hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị H và ông Trịnh Văn C là hợp pháp.

[2.2] Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình tố tụng, bị đơn ông Trịnh Văn C vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị H, điều này cho thấy ông Trịnh Văn C không có thiện trí hàn gắn, không có bất kỳ động thái nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Xét thấy trình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị H và ông Trịnh Văn C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị H đối với ông Trịnh Văn C là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Bà Huỳnh Thị H xác định quá trình chung sống với ông Trịnh Văn C có 02 (hai) con chung tên là trẻ Trịnh Thị Minh H1, giới tính: nữ, sinh ngày 27/8/2018 và trẻ Trịnh Ngọc Minh D, giới tính: nữ, sinh ngày 24/2/2020. Khi ly hôn, bà Huỳnh Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Trịnh Thị Minh H1 và trẻ Trịnh Ngọc Minh D, không yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng thông báo cho ông Trịnh Văn C biết về yêu cầu của bà H muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, ông Trịnh Văn C không có bất kỳ động thái nào phản đối. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ Trịnh Thị Minh H1, sinh ngày 27/8/2018 và trẻ Trịnh Ngọc Minh D, sinh ngày 24/2/2020, thiết nghĩ nên giao trẻ Trịnh Thị Minh H1 và trẻ Trịnh Ngọc Minh D cho bà Huỳnh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Huỳnh Thị H không yêu cầu ông Trịnh Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Trịnh Thị Minh H1 và trẻ Trịnh Ngọc Minh D nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết sau.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xen xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị H đối với ông Trịnh Văn C. Bà Huỳnh Thị H được ly hôn đối với ông Trịnh Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 105/2018 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B (nay là Ủy ban nhân dân xã V), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2018 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là trẻ Trịnh Thị Minh H1, giới tính: nữ, sinh ngày 27/8/2018 và trẻ Trịnh Ngọc Minh D, giới tính: nữ, sinh ngày 24/2/2020. Giao trẻ Trịnh Thị Minh H1, giới tính nữ, sinh ngày 27/8/2018 và trẻ Trịnh Ngọc Minh D, giới tính nữ, sinh ngày 24/2/2020 cho bà Huỳnh Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Huỳnh Thị H không yêu cầu ông Trịnh Văn C cấp dưỡng nuôi con chung, nên hội đồng xét xử không xem xét, sau này đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết sau.

Ông Trịnh Văn C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Huỳnh Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0020993 ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Huỳnh Thị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND KV10 – TP.Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Vĩnh Lộc, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000026 184201

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cơ